

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-ST
Ngày 24-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hoàng Hiệp.

Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng N, sinh năm 1994 tại huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. ĐKTT: Ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sơn T và bà Lê Thị Mỹ N; có vợ Nguyễn Hồng N và 02 người con, lớn sinh năm 2014 và nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: 01 tiền án, Bản án số 01/2020/HS-ST ngày 16-3-2020 Tòa án nhân dân huyện Thạnh T xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án ngày 16-3-2020 về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền sự, Quyết định số 25/QĐ-TA ngày 31-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng; bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2020 đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Sơn T, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Chùa P, thị trấn Hòa B, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, khóm Trà K, phường N, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Đặng Sơn A, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa T, xã Ngọc Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Giang Ngọc L, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Ngô Văn U, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung T, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 31/7/2020 bị cáo Nguyễn Trọng N đi bộ từ nhà bị cáo đến nhà cha mẹ ruột là ông Nguyễn Sơn T, bà Lê Thị Mỹ N ở ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, để lấy xe tải đem đi cầm, kiếm tiền tiêu xài và trả nợ. Chiếc xe ô tô tải màu trắng hiệu Suzuki biển số 83C-078.78 lúc này đang đậu ở phía trước nhà bên trong hàng rào. Khi đến nhà chỉ thấy một mình bà N, bị cáo đi ra phía sau nhà lấy chiếc chìa khóa xe ô tô tải để trong hộc tủ gỗ, bà N thấy vậy nên hỏi bị cáo lấy xe đi đâu thì bị cáo trả lời lấy xe đi rửa, bà N nghi ngờ bị cáo chiếm đoạt chiếc xe nhưng không dám ngăn cản do bị cáo nghiện ma túy, có biểu hiện ngáo đá. Sau khi bị cáo lên xe và điều khiển xe chạy ra khỏi nhà, bà N gọi điện báo cho chồng là ông T biết sự việc. Ông T chạy xe về đến đường Trần Văn B, ấp Phú T, thị trấn Phú L thì phát hiện bị cáo đang điều khiển xe nên ông T đuổi theo yêu cầu bị cáo dừng xe lại, khi thấy ông T bị cáo không dừng mà điều khiển xe chạy về hướng Cảng thuộc ấp Thạnh Đ, thị trấn Phú L, ông T đuổi theo không kịp nên quay xe về. Hai ngày sau không thấy bị cáo đem xe tải về nhà nên ông T trình báo sự việc đến Công an thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Về phía bị cáo, sau khi chiếm được xe ô tô tải hiệu Suzuki biển số 83C-078.78, bị cáo tiếp tục điều khiển xe chạy về hướng thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu, tại đây bị cáo gọi điện cho người bạn tên Nguyễn Văn H để nhờ ông H tìm chỗ cầm xe dùm cho bị cáo. Ông H gọi điện cho ông Nguyễn Anh T để giới thiệu cho Nguyễn Anh T và bị cáo tự thỏa thuận cầm cố tài sản với nhau. Anh T cầm

cho bị cáo chiếc xe với số tiền 60.000.000 đồng, số tiền này bị cáo trả nợ cá nhân và tiêu xài hết.

Vợ bị cáo Nguyễn Hồng N sau khi liên lạc được với bị cáo thì bị cáo nói nếu muốn chuộc xe thì ông T đem 80.000.000 đồng xuống thành phố Bạc Liêu gặp ông H để chuộc lại. Bị hại ông T nhờ người thân là ông Đặng Sơn A và vợ bị cáo đem tiền xuống Bạc Liêu để chuộc xe, đồng thời báo Công an tỉnh Bạc Liêu xử lý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 02/8/2020 trong lúc ông H đang nhận 50.000.000 đồng từ ông Sơn A tại quán cà phê M, đường X, khóm Y, thành phố Bạc L thì bị lực lượng Công an tỉnh Bạc Liêu mời về làm việc. Tại cơ quan Công an ông H trình bày toàn bộ sự việc đồng thời cung cấp địa chỉ của bị cáo cho cơ quan Công an.

Công an tiến hành thu giữ vật chứng là 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Suzuki màu trắng, tải trọng 550kg, biển kiểm soát 83C – 078.78 và các giấy tờ kèm theo, thu giữ các vật chứng có liên quan đến vụ án và tiến hành trưng cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 4885/KL-HĐĐGTS, ngày 02/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND tỉnh Sóc Trăng đã kết luận: 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Suzuki màu trắng, tải trọng 550kg, biển kiểm soát 83C – 078.78, thời điểm định giá ngày 31/7/2020 trị giá 230.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSTT ngày 23/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T truy tố bị cáo Nguyễn Trọng N về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại ông Nguyễn Sơn T, bà Lê Thị Mỹ N có lời trình bày, bị cáo N chính là người đã chiếm đoạt tài sản của ông, bà là chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Suzuki màu trắng, tải trọng 550kg, biển kiểm soát 83C – 078.78, đây là tài sản chung của vợ chồng bị hại, do ông Nguyễn Sơn T đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo là con ruột của vợ chồng bị hại nhưng do nghiện ma túy, đã từng trộm cắp tài sản của ông, bà và bị kết án 09 tháng tù treo, chưa chấp hành xong, nay tiếp tục chiếm đoạt tài sản. Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T có lời trình bày: Ông đã được người nhà của bị cáo trả đủ số tiền cầm xe 60.000.000 đồng, ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trách nhiệm dân sự không yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Bà là chị ruột của bị cáo N, số tiền bà trả cho ông Nguyễn Anh T 60.000.000 đồng là do bị cáo tác động nhờ bà trả cho ông Anh T, đây là số tiền bà tự nguyện cho bị cáo mượn để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra, tại phiên tòa bà không yêu cầu bị cáo trả lại mà tự thỏa thuận với bị cáo đối với số tiền trên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên

quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 172, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 07 năm đến 08 năm tù, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 01/2020/HS-ST ngày 16-3-2020 Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án. Về trách nhiệm dân sự, bị hại ông T, bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Cẩm N không yêu cầu nên không xem xét. Án phí bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, tại lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Những người vắng mặt tại phiên tòa gồm: Bị hại ông Nguyễn Sơn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T, người làm chứng bà Nguyễn Hồng N đều có đơn xin vắng mặt, người làm chứng còn lại gồm ông Đặng Sơn A và ông Ngô Văn U vắng mặt không lý do, xét thấy việc vắng mặt của những người nêu trên không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định bà Nguyễn Thị Cẩm N là người làm chứng, căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Cẩm N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở khẳng định, vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 31/7/2020 tại nhà bị hại ông Nguyễn Sơn T, bà Lê Thị Mỹ N, ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, lợi dụng hoàn cảnh lúc cha bị cáo ông T không có ở nhà, chỉ có một mình mẹ bị cáo là bà N, bị

cáo là người nghiện ma túy, biết bà N sợ và không thể ngăn cản, nên bị cáo đã công khai chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô tải màu trắng, hiệu Suzuki, biển kiểm soát 83C – 078.78 trị giá 230.000.000 đồng, là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng bà N, ông T. Hành vi công khai chiếm đoạt tài sản của bị cáo còn thể hiện ở chỗ, sau khi cha bị cáo ông T trở về thấy bị cáo điều khiển xe, ông T đuổi theo ra hiệu cho bị cáo dừng lại nhưng bị cáo không dừng mà vẫn tăng tốc bỏ chạy về hướng Cảng thuộc ấp Công Đ, thị trấn Phú L, nhằm cắt đuôi không để ông T đuổi kịp, chiếm đoạt bằng được tài sản của ông T, bà N. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”, do giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nên thuộc tình tiết định khung tăng nặng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nên Cáo trạng số 12/CT-VKSTT ngày 23/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo điều luật đã viện dẫn ở trên là đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng, bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã bị kết án 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, mặc dù chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo lại tiếp tục phạm tội, điều này cho thấy bị cáo không biết ăn năn hối cải, xem thường pháp luật, nên lần phạm tội này bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm”. Về tình tiết giảm nhẹ, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tác động chi ruột bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Anh T số tiền 60.000.000 đồng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng như tình hình tội phạm tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết tuân thủ pháp luật và có ích cho xã hội sau này.

[7] Xét thấy, bị cáo đang chấp hành hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 01 năm 06 tháng từ ngày tuyên án, tại Bản án số 01/2020/HS-ST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc

Trắng, bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách mà lại bị xét xử về một tội mới, nên căn cứ theo Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù chưa chấp hành của bản án nêu trên.

[8] Về trách nhiệm dân sự, không ai có ý kiến, yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu, tại phiên tòa không ai còn ý kiến yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

[11] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Văn H đều không biết tài sản bị cáo đem đi cầm do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 172, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng N 07 (bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 01/2020/HS-ST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 17/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự, không ai có ý kiến, yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu, tại phiên tòa không ai còn ý kiến yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, xử lý.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối người vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Công an huyện Thạnh T
(Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, CQTHAHS);
- CCTHADS huyện Thạnh T;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nghiệp